BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 570 /QĐ-ĐHYHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo
Cử nhân Tâm lý học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Nghị Quyết số 06/2021/HĐT-ĐHYHN ngày 05/02/2021 của Hội đồng Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ;

Căn cứ Quyết định số 5044/QĐ-ĐHYHN ngày 10/11/2021 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Biên bản số 13/BB-HĐKHĐT ngày 30/01/2024 của Hội đồng khoa học đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội thẩm định chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Cử nhân Tâm lý học;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng và Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý học (có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng QLĐTĐH, Trưởng Viện/Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, ĐTĐH, YTCC.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Tú

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 510 /QĐ-ĐHYHN ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Trường Đại học Y Hà Nội)

- Tên ngành đào tạo: Tâm lý học
- Mã ngành: 7310401
- Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Tâm lý học
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Psychology
- Mã chương trình đào tạo: HMU-BPsyc
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về Tâm lý học nói chung và các khoa học cơ sở ngành, liên ngành và các lĩnh vực chuyên ngành nói riêng, trên cơ sở đó, vận dụng vào thực tiễn giúp cá nhân, nhóm cũng như cộng đồng giải quyết những vấn đề tâm lý ở các lứa tuổi, chuyên biệt cho từng lĩnh vực chuyên ngành, có tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu khoa học, làm việc nhóm, tham gia đào tạo và tự đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội và thực hành nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học xã hội, Y học, Tâm lý học và các lĩnh vực chuyên ngành, các khoa học liên ngành để giải thích các hiện tượng tâm lý.

MT2. Nhận diện, phân tích đánh giá từ đó xây dựng và triển khai các can thiệp tâm lý phù hợp với từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

MT3. Thực hiện được các kỹ năng tham vấn, trị liệu cơ bản đối với một số vấn đề tâm lý cho cá nhân và nhóm.

MT4. Tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tâm lý và sức khỏe.

MT5. Tuân thủ các quy định về đạo đức, pháp luật trong thực hành nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, giao tiếp, hợp tác nhóm hiệu quả; có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục để thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng:

2.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được các kiến thức về chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc đạo đức trong thực hành nghề nghiệp

PLO2: Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, y học cơ sở, nhân học, môi trường để nhận diện, phân tích và giải thích về sự nảy sinh, hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý trong bối cảnh xã hội khác nhau.

PLO3: Áp dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của Tâm lý học phát triển, Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học tham vấn để giải quyết các vấn đề tâm lý và nâng cao sức khỏe.

PLO4: Vận dụng được các kiến thức về thống kê tin học, các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học trong việc thu thập xử lý thông tin và lý giải, phân tích các vấn đề tâm lý nảy sinh trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

2.2. Kỹ năng

PLO5: Phân tích các yếu tố môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến các vấn đề tâm lý thường gặp ở cá nhân, nhóm xã hội và cộng đồng.

PLO6: Phát hiện, đánh giá các vấn đề tâm lý cho các cá nhân/nhóm/cộng đồng.

PLO7: Xây dựng và triển khai các chương trình sàng lọc, can thiệp sớm cho các cá nhân, nhóm đối tượng khác nhau.

PLO8: Thực hiện được một số kỹ thuật tham vấn/trị liệu tâm lý cơ bản cho cá nhân, nhóm.

PLO9: Tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tâm lý và sức khỏe

PL10: Sử dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

PLO11: Đáp ứng trình độ ngoại ngữ theo quy định trong Khung trình độ Quốc gia.

2.3. Tự chủ và trách nhiệm

PLO12. Tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức nghề tâm lý trong quá trình thực hiện vai trò, nhiệm vụ của một nhân viên tâm lý chuyên nghiệp.

PLO13. Có khả năng tư duy phản biện, giao tiếp hiệu quả trong các môi trường nhau, kỹ năng làm việc độc lập và chuyên nghiệp, làm việc nhóm hiệu quả.

PLO14. Chủ động học tập suốt đời, tự định hướng và phát triển chuyên môn nghề nghiệp và tham gia các hoạt động đào tạo.

3. Chuẩn đầu vào, đối tượng tuyển sinh

- Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và đạt tiêu chuẩn tuyển sinh đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Y Hà Nội

- Tổ chức tuyển sinh theo quy định tuyển sinh Đại học hệ chính quy hàng năm và đề án tuyển sinh của Trường.

- Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hàng năm và có điểm tổ hợp bài thi/môn thi Khối D00 (Toán, Văn, Anh), Khối B00 (Toán, Hoá, Sinh), Khối B03 (Toán, Văn, Sinh) để xét tuyển theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

- Thời gian tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chính sách ưu tiên: tuyển thẳng; xét tuyển; ưu tiên diện chính sách và khu vực theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án của Trường.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ theo quy định.

4. Cách thức tổ chức

Chương trình được thiết kế gồm các học phần lý thuyết, thực hành và thực tập cộng đồng tại các cơ sở thực địa, thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp:

+ Lý thuyết: học tại giảng đường – Trường Đại học Y Hà Nội.

+ Thực hành: tại các phòng thực hành, labo – Trường Đại học Y Hà Nội.

+ Thực tập nghề nghiệp: tại cơ sở thực hành của Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng – Trường Đại học Y Hà Nội.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định.

- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên.

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

- Ngoại ngữ: Đáp ứng trình độ ngoại ngữ theo quy định trong khung trình độ Quốc gia.

- Tin học văn phòng: Có trình độ tin học văn phòng đáp ứng Khung năng lực trình độ quốc gia bậc đại học.

6. Cách thức đánh giá

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần: cách đánh giá và lượng giá học phần được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà trường. Cụ thể việc đánh giá chi tiết từng học phần được nêu trong đề cương chi tiết học phần.

7. Khung chương trình đào tạo

Chương trình được cấu trúc hợp lý, linh hoạt gồm 127 tín chỉ (chưa tính học phần thuộc lĩnh vực giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất theo quy định đối với giáo dục đào tạo trình độ đại học), trong đó có 117 tín chỉ bắt buộc và 10 tín chỉ tự chọn (trong tổng số 20 tín chỉ). Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong quá trình đào tạo, sinh viên có thời gian tự học xen kẽ các môn học trong một học kỳ.

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
I	**Kiến thức giáo dục đại cương***	**24**	**22**	**2**	**0**
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**				
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	30	23	7	0
2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	52	30	11	11
3	Kiến thức tự chọn	10	5	5	0
III	**Thực tế và khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề lâm sàng**	**11**	**6**	**5**	**0**
	Tổng cộng	**127**	**86**	**30**	**11**

** Chưa bao gồm các học phần:*

- *Giáo dục thể chất: 0 tín chỉ LT / 3 tín chỉ TH*
- *Giáo dục quốc phòng – an ninh: 6 tín chỉ LT / 2,5 tín chỉ TH*

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (22 LT – 2 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
1.	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	0
6.	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
7.	Tin học đại cương	2	1	1	0
8.	Ngoại ngữ	7	7	0	0
9.	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong CSSK	2	1	1	0
10.	Giáo dục thể chất 1,2, 3	3*	0*	3*	0
11.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	8.5*	6*	2.5*	0
Tổng cộng		**24**	**22**	**2**	**0**

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành: 30 tín chỉ (23 LT – 07 TH – 0 LS)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
12.	Sinh lý học	2	1.5	0.5	0
13.	Khoa học não bộ và hành vi	2	1.5	0.5	0
14.	Tâm lý học đại cương	3	3	0	0
15.	Đại cương về công tác xã hội	2	2	0	0
16.	Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	2	0	0
17.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	0
18.	Giới và phát triển	2	2	0	0
19.	Tổ chức, quản lý và chính sách y tế	3	2	1	0
20.	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	0
21.	Kỹ năng giao tiếp	2	1	1	0

22.	Dinh dưỡng	2	1.5	0.5	0
23.	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1	1	0
24.	Sức khỏe lứa tuổi	2	1.5	0.5	0
25.	Tự chọn: Chọn 1 trong 3 Tâm lý học kinh tế Sức khỏe trường học Thống kê y sinh	2	1	1	0
	Tổng cộng	**30**	**23**	**7**	**0**

7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành: 52 tín chỉ (30 LT – 11 TH – 11 LS)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
26.	Đạo đức Y học và đạo đức nghề tâm lý	3	2	1	0
27.	Tâm lý học nhận thức	2	2	0	0
28.	Tâm lý học nhân cách	2	2	0	0
29.	Tâm lý học xã hội	2	2	0	0
30.	Tâm lý học giáo dục	3	3	0	0
31.	Tâm lý học phát triển	3	2	1	0
32.	Tâm lý học sức khỏe	3	2	1	0
33.	Tâm sinh lý lao động	3	1	1	1
34.	Sức khỏe tâm thần	3	2	1	0
35.	Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1	0
36.	Tâm lý học lâm sàng	2	2	0	0
37.	Tâm lý trị liệu	3	1.5	1.5	0
38.	Đánh giá tâm lý	3	1.5	1.5	0
39.	Tham vấn tâm lý	5	3	2	0
40.	Tâm lý học gia đình	2	2	0	0
41.	Thực hành tham vấn tâm lý	5	0	0	5
42.	Thực hành tâm lý học lâm sàng	5	0	0	5
	Tổng cộng	**52**	**30**	**11**	**11**

7.2.3. Kiến thức tự chọn: 10 tín chỉ (05 LT – 05 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
43.	Tâm lý học tư pháp	2	1	1	0
44.	Tâm lý học xã hội với người bệnh mãn tính và bệnh hiểm nghèo	2	1	1	0
45.	Phương pháp nghiên cứu định tính	2	1	1	0
46.	Tâm lý học khác biệt	2	1	1	0
47.	Tham vấn tâm lý học đường	2	1	1	0
48.	Một số rối loạn phát triển ở trẻ em	2	1	1	0
49.	Tâm lý học tổ chức	2	2	0	0
50.	Tâm lý học tích cực	2	1	1	0
51.	Tâm lý học giới tính	2	1	1	0
52.	Can thiệp khủng hoảng	2	1	1	0
	Tổng cộng	**10**	**5**	**5**	**0**

7.2.4. Tốt nghiệp: 11 tín chỉ (6 LT / 5 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
53.	Thực tế tốt nghiệp	5	0	5	0
54.	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0	0
	Tổng cộng	**11**	**6**	**5**	**0**

8. Tiến trình đào tạo

Chuẩn chương trình đào tạo được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức và đào CTĐT được xây dựng trên dựa trên nguyên tắc lồng ghép các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở với tiến trình đào tạo như sau:

Khối kiến thức	Loại môn học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Giáo dục đại cương	Học phần chung	x	x		

Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở khối ngành	x	x	x	
	Kiến thức ngành và chuyên ngành			x	x
	Kiến thức tự chọn				x
	Thực tế và tốt nghiệp				x

9. Khung chương trình và đơn vị phụ trách xây dựng và giảng dạy học phần

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				Đơn vị phụ trách
		Tổng	LT	TH	LS	
	Học kỳ I					
1	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0	Lý luận chính trị
2	Tiếng anh 1	3	3	0	0	Ngoại ngữ
3	Sinh lý học	2	1.5	0.5	0	Sinh lý
4	Khoa học não bộ và hành vi	2	1.5	0.5	0	Tâm thần
5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	8.5*	6*	2.5*	0	Giáo dục quốc phòng
6	Tin học đại cương	2	1	1	0	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh
7	Tâm lý học đại cương	3	3	0	0	Y đức và Tâm lý học
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0	Y đức và Tâm lý học
9	Đại cương về công tác xã hội	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	**19**	**16**	**3**	**0**	
	Học kỳ II					
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0	Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 2	2	2	0	0	Ngoại ngữ
3	Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	2	0	0	Sức khỏe toàn cầu
4	Sức khỏe lứa tuổi	2	1.5	0.5	0	Sức khỏe môi trường
5	Giáo dục thể chất (1,2)*	2*	0*	2*	0	Giáo dục thể chất

6	Tự chọn: Chọn 1 trong 3 Tâm lý học kinh tế Sức khỏe trường học Thống kê y sinh	2	1	1	0	Kinh tế y tế Sức khỏe môi trường Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh
7	Tâm lý học nhân cách	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
8	Tâm lý học phát triển	3	2	1	0	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	**15**	**12.5**	**2.5**	**0**	
	Học kỳ III					
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	Lý luận chính trị
2	Đạo đức Y học và đạo đức nghề Tâm lý	3	2	1	0	Y đức và Tâm lý học
3	Tiếng Anh 3 (Tiếng Anh chuyên ngành)	2	2	0	0	Ngoại ngữ
4	Tổ chức, quản lý và chính sách y tế	2	1	1	0	Tổ chức và quản lý y tế
5	Giáo dục thể chất 3*	1*	0*	1*	0	Giáo dục thể chất
6	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1	1	0	Giáo dục và nâng cao sức khỏe
7	Dinh dưỡng	2	1.5	0.5	0	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm
8	Tâm lý học xã hội	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
9	Tâm lý học giáo dục	3	3	0	0	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	**18**	**14.5**	**3.5**	**0**	
	Học kỳ IV					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	Lý luận chính trị
2	Tâm lý học nhận thức	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
3	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	0	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh
4	Ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chăm sóc sức khoẻ	2	1	1	0	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh

	Học kỳ VIII					
2	Thực tế tốt nghiệp	5	5	0	0	Viện YHDP&YTCC
3	Chuyên đề lâm sàng/khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0	Viện YHDP&YTCC
	Tổng cộng	**11**	**5**	**6**	**0**	

*Ghi chú: *học phần này không tính vào mục tổng cộng.*

10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo, nêu rõ điều kiện tiên quyết môn học trong chương trình đào tạo.

Triết học Mác - Lênin ***3TC***

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin một cách có hệ thống, sự phát triển của triết học trong lịch sử và vai trò của nó trong đời sống ngày nay. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn cung cấp cơ sở về thế giới quan, phương pháp luận khoa học để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin ***2TC***

Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nền tảng tư tưởng của Đảng CSVN. Cung cấp cho người học những tri thức kinh tế chính trị về PTSX TBCN và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Phát huy những giá trị bền vững của Kinh tế chính trị Mác - Lênin đồng thời nâng cao tính thiết thực đối với việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tại nhà trường.

Chủ nghĩa xã hội khoa học ***2TC***

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học một cách có hệ thống về sự ra đời các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để giúp người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn tạo điều kiện để người học có thể nghiên cứu các

ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn tạo điều kiện để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành

Tư tưởng Hồ Chí Minh ***2TC***

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, nền tảng về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó tập trung vào các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của Đảng. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân của người học trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Giúp sinh viên tu dưỡng, rèn luyện bản thân minh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất nước

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ***2TC***

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời của ĐCSVN và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở những kiến thức đã học, sinh viên có thể vận dụng vào công việc và cuộc sống thường ngày, đặc biệt là việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ đổi mới hiện nay

Ngoại ngữ (Tiếng Anh) ***7TC***

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y, đồng thời có thể áp dụng tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Tin học đại cương ***2TC***

Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản trong tin học, bao gồm cấu trúc của máy tính, hệ điều hành, mạng máy tính và cơ bản về lập trình. Sinh viên sẽ học cách sử dụng các công cụ như Word, Excel và PowerPoint để tạo ra các báo cáo chuyên nghiệp và thuyết trình hiệu quả.

Ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chăm sóc sức khoẻ ***2TC***

Môn học cung cấp cho sinh viên một cơ hội toàn diện để nắm vững những khái niệm cơ bản và ứng dụng của chuyển đổi số trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Qua môn học này, sinh viên sẽ được đào tạo về các xu hướng, công nghệ và thách thức liên quan đến việc tích hợp công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý bệnh nhân, chẩn đoán, và quy trình điều trị. Sinh viên cũng sẽ nắm được các nội dung liên quan đến an toàn thông tin và quyền riêng tư trong lĩnh vực y tế. Ngoài ra, môn học sẽ giúp sinh viên lập kế hoạch chuyển đổi số y tế, hỗ trợ áp dụng những kiến thức thu được vào thực tế và cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe.

Giáo dục thể chất ***3TC***

Nội dung học phần được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

Giáo dục Quốc phòng – An ninh ***8,5TC***

Nội dung học phần được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT- BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Pháp luật đại cương ***2TC***

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam, Pháp luật về ngành Y. Trên cơ sở những kiến thức được học, sinh viên có thể vận dụng vào công việc thực hành y tế công cộng. Môn học cũng góp phần xây dựng tư duy pháp lý, hình thành thói quen làm việc trên cơ sở quy định pháp luật. Từ đó, bảo vệ bản thân mình, đồng thời, thực hiện tốt những trách nhiệm, nghĩa vụ của người bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Sinh lý học ***2TC***

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nghiên cứu các chức năng của hệ thần kinh trung ương.

Khoa học não bộ và hành vi ***2TC***

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành, phát triển của hệ thần kinh, nhân cách và tâm lý, cấu tạo giải phẫu của hệ thần kinh và các cấu trúc liên quan (xương, màng não-tủy, dịch não tủy và mạch máu).

Tâm lý học đại cương ***3 TC***

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác

Đại cương về Công tác xã hội ***2TC***

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về công tác xã hội: Khái niệm, mục đích, chức năng nhiệm vụ của CTXH; Lịch sử hình thành ngành công tác xã hội; Các yêu cầu đối với người nhân viên Công tác xã hội.

Nhân học và xã hội học sức khỏe ***2TC***

Môn học nhân học và xã hội học sức khoẻ đề cập đến mối quan hệ đan xen giữa văn hoá, xã hội và y tế trong nghiên cứu các vấn đề bệnh tật của con người. Nhân học y học xem xét các tín ngưỡng và tập quán văn hoá có vai trò chi phối những cách ứng xử của con người với bệnh tật. Sinh viên được cung cấp các kiến thức và phương pháp tiếp cận với các vấn đề văn hoá xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe bằng phương pháp nhân học để từ đó có thể phát hiện các yếu tố văn hoá, xã hội ảnh hưởng đến sức khoẻ của người dân, từ đó đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp, cung cấp bằng chứng cho các nhà lập sách nhằm nâng cao sức khoẻ cho người dân.

Cơ sở văn hóa Việt Nam ***2TC***

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

Giới và phát triển ***2TC***

Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về giới, sự phát triển và mối quan hệ giữa giới và phát triển trong các lĩnh vực khác nhau như lao động, bạo lực và tình dục. Sinh viên sẽ có cơ hội tìm hiểu quá trình phát triển hiện đại tác động đến mối quan hệ giới như thế nào, các chuẩn mực giới hiện có và bình đẳng giới cũng như mối quan hệ và sự tương quan giữa phụ nữ, giới và phát triển bền vững. Môn học cũng cung cấp các thông tin cập nhật liên quan đến luật pháp và chính sách về vấn đề giới hiện nay trên thế

giới và Việt Nam. Sinh viên được bước đầu làm quen thực hành cách phân tích giới trong các chính sách, chương trình và dự án.

Tổ chức, quản lý và chính sách y tế ***3TC***

Môn học Tổ chức, quản lý và chính sách y tế là học phần kiến thức cơ sở khối ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống y tế; tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các tuyến trong hệ thống y tế Việt Nam; quan điểm, chiến lược và chính sách y tế hiện hành; những kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý bệnh viện; quản lý y tế, đặc biệt về lập kế hoạch y tế. Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về phân tích một số chính sách y tế hiện hành; phân tích nguyên tắc cơ bản của hệ thống ngành y tế; phân tích về tổ chức, hoạt động của bệnh viện, thực hiện được các kỹ năng lập kế hoạch y tế.

Nghiên cứu khoa học ***2TC***

Môn học giúp sinh viên làm quen và nắm được một số khái niệm cơ bản của nghiên cứu, các khâu trong quá trình nghiên cứu đồng thời có khả năng áp dụng một số kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu như xác định vấn đề nghiên cứu, khuyến khích sinh viên tìm hiểu, học hỏi thêm các kiến thức và kỹ năng để tiến hành một nghiên cứu.

Kỹ năng giao tiếp ***2TC***

Môn học cần thiết trong chương trình đào tạo công tác xã hội và một số chương trình thuộc khối ngành khoa học sức khoẻ. Ở học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức cơ bản và thực hành tìm hiểu thông tin về tiền sử, bệnh sử, kỹ năng giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp và kỹ năng giao tiếp trong những tình huống đặc biệt. Môn học kỹ năng giao tiếp giúp sinh viên chuẩn bị kỹ năng tốt để sẵn sàng tham gia thực hành lâm sàng, thực hành cộng đồng và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp sau này.

Dinh dưỡng ***2TC***

Môn học cung cấp những kiến thức về dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm để phát hiện các vấn đề sức khỏe cộng đồng như: vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng, giá trị của các nhóm thực phẩm, một số bệnh thông thường gây ra do thực phẩm, dinh dưỡng trong các bệnh cộng đồng và bệnh mạn tính. Học phần còn góp phần cung cấp các kỹ năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tư vấn dinh dưỡng cho người bệnh nhằm nâng cao tình trạng dinh dưỡng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng. Biết vận dụng các quy định về chất lượng thực phẩm để thực hiện kiểm tra giám sát chất

lượng và vệ sinh thực phẩm.

Giáo dục và nâng cao sức khỏe ***2TC***

Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, trong đó có các kiến thức quan trọng và cơ bản về hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng, các phương pháp truyền thông và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe và các nguyên tắc về giao tiếp, trình bày trong truyền thông giáo dục sức khỏe. Sinh viên được thực hành để rèn luyện một số kỹ năng cơ bản trong truyền thông giáo dục sức khỏe như sử dụng các phương tiện, tài liệu truyền thông, giao tiếp truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp và gián tiếp cho cá nhân và nhóm; cung cấp lý thuyết về thay đổi hành vi và nâng cao sức khỏe, các mô hình truyền thông và các yếu tố ảnh hưởng để phân tích hành vi và lập kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi, nâng cao sức khoẻ. Sinh viên được thực hành để rèn luyện một số kỹ năng trong chẩn đoán hành vi và lập kế hoạch nâng cao sức khỏe.

Sức khỏe lứa tuổi ***2TC***

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề sức khoẻ theo các giai đoạn trong cuộc đời con người từ khi sinh ra, trưởng thành, già đi. Nội dung môn học bao gồm sức khoẻ lứa tuổi dưới 5, sức khoẻ lứa tuổi học đường, sức khoẻ lứa tuổi vị thành niên, sức khoẻ lứa tuổi trưởng thành, và sức khoẻ người cao tuổi. Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, các vấn đề sức khoẻ và bệnh tật đặc trưng theo lứa tuổi, và các giải pháp dự phòng nâng cao sức khoẻ theo lứa tuổi. Bên cạnh đó, sinh viên được cung cấp một số kỹ năng phân tích, phát hiện vấn đề sức khoẻ theo lứa tuổi và hiểu được tầm quan trọng của dự phòng, nâng cao sức khoẻ theo lứa tuổi.

Tâm lý học kinh tế ***2TC***

Tâm lý học kinh tế học là môn học nghiên cứu về tâm lý học liên quan đến quá trình ra quyết định kinh tế của các cá nhân và tổ chức. Tâm lý học Kinh tế thường dựa trên nguyên lý về tâm lý học và kinh tế học để khám phá lý do nhằm phân tích các quyết định mà con người đưa ra và lý do tại sao những lựa chọn không hợp lý lại được chọn. Môn học cũng giúp giải thích tại sao và bằng cách nào hành vi của họ không tuân theo những dự đoán của các mô hình kinh tế. Tâm lý học kinh tế bị ảnh hưởng bởi tính hợp lý có giới hạn, cấu trúc của các lựa chọn, thành kiến nhận thức và tâm lý nhóm. Trong kinh tế học, lý thuyết lựa chọn hợp lý cho rằng khi con người đứng trước nhiều lựa chọn

khác nhau trong điều kiện khan hiếm, họ sẽ chọn phương án tối đa hóa sự hài lòng.

Sức khỏe trường học ***2TC***

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về mô hình trường học nâng cao sức khoẻ và các vấn đề sức khoẻ ở học sinh. Nội dung môn học bao gồm khái niệm mô hình trường học nâng cao sức khoẻ, vệ sinh trường học, bệnh trường học, các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và vấn đề sức khoẻ tâm thần lứa tuổi học sinh. Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức cơ bản về công tác y tế trường học ở nước ta hiện nay, tiêu chuẩn vệ sinh trường học, dự phòng bệnh trường học, kiểm soát một số bệnh lây nhiễm trong trường học và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ học sinh bao gồm sức khoẻ tâm thần. Bên cạnh đó, sinh viên được cung cấp một số kỹ năng đánh giá vệ sinh trường học (đo ánh sáng lớp học, đo chiều cao bàn/ghế…), phát hiện bệnh trường học (cong vẹo cột sống, tật khúc xạ), phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ học sinh bao gồm sức khoẻ tâm thần và hiểu được tầm quan trọng của công tác y tế trường học, nâng cao sức khoẻ học sinh.

Thống kê y sinh ***2TC***

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các khái niệm và kỹ thuật cơ bản về thống kê giúp cho sinh viên trong việc xử lý những kết quả thu được từ những cuộc nghiên cứu điều tra thực tế trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: xã hội học, nhân học, công tác xã hội, báo chí, địa lý..

Đạo đức Y học và đạo đức nghề tâm lý ***3TC***

Môn học Đạo đức y học và đạo đức nghề tâm lý là một môn học cần thiết trong chương trình đào tạo đại học vì nội dung này gắn liền với các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý sau khi ra trường. Học phần giúp người học nắm được kiến thức tổng quan về đạo đức y học và đạo đức nghề tâm lý. Đạo đức Y học cung cấp những kiến thức về các nguyên lý cơ bản về Đạo đức Y học trong mối quan hệ giao tiếp, ứng xử với người bệnh và gia đình của họ, với đồng nghiệp, cộng đồng, với công việc mà người cán bộ tâm lý phải thực hiện trong quá trình thực hành nghề nghiệp. Từ đó sinh viên vận dụng vào quá trình học tập và tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ y tế. Học phần đạo đức nghề tâm lý đề cập đến các khái niệm triết lý, các giá trị, các nguyên tắc của người làm tâm lý và các tiêu chuẩn đạo đức toàn cầu của nghề tâm lý ở các nước cũng như ở Việt Nam. Đồng thời cung cấp kiến thức cập nhật các văn bản

pháp luật liên quan đến quy định tiêu chuẩn đạo đức nghề tâm lý, các nguyên tắc cơ bản của tâm lý, các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực đạo đức, tiêu chuẩn đạo đức, quy định đối với nhân viên tâm lý trong thực hành tâm lý ở Việt Nam.

Tâm lý học nhận thức ***2 TC***

Học phần này cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về hoạt động nhận thức của con người. Tâm lý học nhận thức là một phân ngành của tâm lý học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cảm giác, tri giác, chú ý, trí nhớ, giải quyết vấn đề, lập luận và ra quyết định, ngôn ngữ… Từ đó vận dụng những quy luật của hoạt động nhận thức vào quá trình nghiên cứu tâm lý của con người. Môn học này cũng cung cấp các kiến thức nền tảng để sinh viên tâm lý có thể học tiếp các môn học khác có liên quan

Tâm lý học nhân cách ***2 TC***

Học phần Tâm lý học nhân cách cung cấp các kiến thức cơ bản về: quan điểm của các nhà tâm lý học theo các trường phái khác nhau về bản chất, đặc điểm, cấu trúc nhân cách, động lực và cơ chế của sự hình thành, phát triển nhân cách và các yếu tố ảnh hưởng (sinh học, môi trường, giáo dục, hoạt động, giao tiếp); một số phương pháp đánh giá nhân cách, các con đường hình thành, phát triển nhân cách cũng như mối liên quan giữa nhân cách và một số vấn đề tâm lý cá nhân như cảm xúc, nhận thức, trí thông minh và các yếu tố xã hội. Trên cơ sở đó, người học áp dụng các kiến thức này để giải quyết 1 số vấn đề nảy sinh trong các lĩnh vực khác nhau của thực hành nghề nghiệp sau này.

Tâm lý học xã hội ***2TC***

Tâm lý xã hội là khoa học nghiên cứu về cách hành vi, suy nghĩ và cảm xúc của một người bị ảnh hưởng bởi sự hiện diện thực sự, tưởng tượng hoặc ngụ ý của người khác. Những nội dung chính sẽ được giới thiệu trong môn học này: ảnh hưởng xã hội- những cách mà hành vi của một người có thể bị ảnh hưởng bởi người khác; nhận thức xã hội- cách mọi người nghĩ về người khác; tương tác xã hội- những khía cạnh tích cực và tiêu cực của con người trong mối quan hệ với người khác; những hiện tượng tâm lý liên quan đến nhóm và quá trình xã hội hóa cá nhân

Tâm lý học giáo dục ***3TC***

Tâm lý học giáo dục là một chuyên ngành nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu về tâm lý, cảm xúc và hành của con người, cách họ học cách họ được giáo dục. Từ đó giúp cho các nhà giáo dục cải thiện quá trình học tập của học sinh, cũng như giải quyết được những vấn đề tâm lý và giáo dục trong môi trường nhà trường. Cho

phép các nhà nghiên cứu hiểu được sự khác biệt của mỗi cá nhân trong hoạt động giáo dục liên quan đến thiết kế giảng dạy, quản lý , đánh giá, phát triển chương trình giảng dạy và giáo dục chuyên biệt nhằm mục vụ cho quá trình học tập trong môi trường giáo dục khác nhau.

Tâm lý học phát triển ***3TC***

Học phần này giới thiệu cho sinh viên về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển; khái niệm về sự phát triển tâm lý, các qui luật chung của sự phát triển tâm lý; các điều kiện phát triển tâm lý như điều kiện sinh học, môi trường sống, hoạt động và giao tiếp; các quan điểm về nguồn gốc và các giai đoạn phát triển tâm lý; động lực của sự phát triển tâm lý; những đặc điểm tâm lý cơ bản ở từng lứa tuổi từ giai đoạn bào thai, sơ sinh, hài nhi, nhà trẻ, mẫu giáo, nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, tuổi trưởng thành, trung niên đến tuổi về già: Các đặc điểm về nhận thức (tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng...) và các đặc điểm về nhân cách như tự ý thức, tình cảm, thế giới quan... Đặc biệt sự phát triển của hoạt động nghề nghiệp, cuộc sống gia đình của tuổi trưởng thành và trung niên, những đặc trưng tâm lý của tuổi già.

Tâm lý học sức khỏe ***3TC***

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các quá trình, các hành vi trong y tế, bệnh tật và chăm sóc sức khỏe. Liên quan đến việc hiểu các yếu tố tâm lý, hành vi và văn hóa góp phần vào sức khỏe thể chất và bệnh tật như thế nào. Yếu tố tâm lý có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe

Tâm sinh lý lao động ***3TC***

Môn Tâm sinh lý lao động cung cấp cho sinh viên những kiến thức bản về tâm lý trong lao động, những căng thẳng, stress trong lao động, cách đánh giá căng thẳng trong lao động và các quy luật tương tác, ảnh hưởng qua lại đa dạng giữa người với người, con người trong công việc.

Sức khỏe tâm thần ***3TC***

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản, phương pháp đánh giá và một số rối loạn tâm lý chính, bao gồm các đặc điểm chính, các tiêu chí chẩn đoán, các lý giải về nguyên nhân và cách điều trị.

Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên ***3TC***

Môn học nhằm giới thiệu, trình bày những khái niệm cơ bản, phương pháp đánh giá và một số rối loạn tâm lý chính, bao gồm các đặc điểm chính, các tiêu chí chẩn đoán,

các lý giải về nguyên nhân và cách điều trị đối với trẻ em và thanh thiếu niên.

Tâm lý học lâm sàng ***2TC***

Tâm lý học lâm sàng thuộc học phần bắt buộc trong chương trình cử nhân Tâm lý học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các công cụ và các lý thuyết tiếp cận của Tâm lý học lâm sàng trong can thiệp, điều trị các vấn đề sức khỏe tâm thần. Môn học cũng mô tả chức năng và phạm vi hoạt động nghề nghiệp của nhà Tâm lý học lâm sàng, mối quan hệ của nhà Tâm lý học lâm sàng với người bệnh, với các tổ chức xã hội, quy trình tiến hành ca lâm sàng cũng như các nguyên tắc đạo đức trong thực hành nghề và nghiên cứu. Trên cơ sở đó, người học áp dụng các kiến thức để giải thích một số vấn đề về hành vi và sức khỏe tâm thần của cá nhân, đề xuất các biện pháp can thiệp về tâm lý dựa trên các nền tảng bằng chứng khoa học, lý thuyết và các nghiên cứu.

Tâm lý trị liệu ***3 TC***

Học phần Tâm lý trị liệu cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống các lý thuyết, phương pháp, quy trình và một số kỹ thuật trị liệu tâm lý nhằm mục đích cải thiện sức khỏe tinh thần, can thiệp và điều trị các vấn đề khó khăn về nhận thức, cảm xúc, hành vi, nhân cách của người bệnh. Trên cơ sở đó, người học vận dụng các kiến thức vào thực hành các kỹ năng: định hình trường hợp, lập kế hoạch trị liệu và bước đầu thực hiện một số kỹ thuật trị liệu tâm lý cơ bản.

Đánh giá tâm lý ***3TC***

Học phần cung cấp kiến thức và quy trình đánh giá tâm lý (bao gồm đánh giá trí tuệ, đặc điểm nhân cách, hành vi). Học phần cũng giới thiệu kiến thức cũng như kỹ năng để sinh viên có thể thực hiện được các phương pháp đánh giá tâm lý như quan sát, phỏng vấn, trắc nghiệm, bảng hỏi... Bên cạnh đó, học phần cũng hướng dẫn cho sinh viên cách thức tích hợp các nguồn thông tin thu được để vết được một báo cáo đánh giá tâm lý cho một đối tượng cụ thể

Tham vấn tâm lý ***5 TC***

Hoạt động tham vấn bao gồm việc lắng nghe đối tượng trình bày vấn đề của họ, làm cho họ cảm thấy dễ chịu, giúp họ nhận biết vấn đề và tìm ra các giải pháp cho các vấn đề đó. Tham Vấn là một quá trình tương tác giữa nhà tham vấn và than chủ, thông qua các kĩ năng trao đổi và chia sẻ tâm tình, thân chủ hiểu và chấp nhận thực tế của mình, tự tìm thấy tiềm năng để giải quyết vấn đề chính mình, trợ giúp người khó khăn

tâm lí mà không hướng họ theo ý mình

Tâm lý học gia đình ***2 TC***

Học phần Tâm lý học gia đình cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về gia đình bao gồm các mối quan hệ mẹ con, quan hệ cha con, quan hệ anh chị em trong gia đình; những đặc trưng tâm lý quan trọng, cần có của một tổ ấm gia đình như tình yêu thương, uy quyền, sự đoàn kết và ganh đua, sự hy sinh; những lý thuyết chính trong việc lựa chọn bạn đời, quá trình hội nhập đời sống vợ chồng, những đặc trưng tâm lý trong mối quan hệ vợ chồng; những biểu hiện về sự rối loạn tâm lý ở trẻ em do cha mẹ sử dụng thái quá uy quyền và tình thương yêu đối với con cái và những vấn đề về xung đột và ly tán gia đình; và các phương pháp nghiên cứu đặc thù của môn học Tâm lý học gia đình. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào cuộc sống thực tiễn và thực hành nghề nghiệp, tạo sự gắn kết gữa các thành viên trong gia đình và xử lý được một số xung đột và vấn đề tâm lý xuất hiện trong gia đình.

Thực hành tham vấn tâm lý ***5TC***

Xây dựng được các kỹ năng tham vấn có thể áp dụng trong các liệu pháp tâm lý khác nhau, tập trung vào việc xây dựng, thu thập, xác minh thông tin, tạo dựng và xây dựng quan hệ trị liệu, thiết lập mục tiêu, chiến lược điều trị giúp thân chủ nhận diện vấn đề, ứng phó với vấn đề và giúp thân chủ tự tìm thấy tiềm năng để giải quyết vấn đề chính mình

Thực hành tâm lý học lâm sàng ***5TC***

Trong học phần thực hành Tâm lý học lâm sàng, sinh viên được thực tập: Sử dụng các kỹ thuật và công cụ đánh giá tâm lý để đánh giá tình trạng tâm lý của một người bệnh và một nhóm người bệnh trong môi trường lâm sàng; viết báo cáo thu hoạch và phân tích các ca bệnh đã được can thiệp, trị liệu tâm lý tại cơ sở thực hành.

Tâm lý học tư pháp ***2 TC***

Sinh viên được trang bị kiến thức về hoạt động tư pháp, nghiên cứu các hiện tượng, các đặc điểm và các quy luật tâm lý biểu hiện trong quá trình thực hiện tội phạm, trong điều tra, truy tố xét xử và thi hành án, đồng thời soạn ra các phương pháp tâm lý để sử dụng trong hoạt động tư pháp.

Phương pháp nghiên cứu định tính ***2TC***

Nghiên cứu định tính là một chuyên ngành ứng dụng trong lĩnh vực nghiên cứu con người và phiên giải được sự phức tạp của hành vi con người. Môn học có thể cung

cấp những thông tin mới, sâu sắc, quan trọng và phong phú về hành vi, trải nghiệm sống của cá nhân. Môn học giúp tìm hiểu các hành vi phức tạp của con người liên quan đến sức khỏe của họ.

Tâm lý học khác biệt ***2TC***

Học phần Tâm lý học khác biệt cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về: những đặc điểm khác biệt tâm lý giữa các cá nhân, cộng đồng xã hội, dân tộc; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành, phát triển, biểu hiện sự khác biệt tâm lý cũng như bản chất và nguồn gốc của sự khác biệt này. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào thực hành nghề công tác xã hội trong các lĩnh vực khác nhau như: giáo dục, chăm sóc y tế, quản lý lao động, các hoạt động kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa xã hội cũng như áp dụng trong cuộc sống nhằm tạo điều kiện tối đa cho sự phát triển những thế mạnh của cá nhân, phát huy những đặc trưng, bản sắc của các nhóm và dân tộc, các cộng đồng xã hội.

Tham vấn tâm lý học đường ***2 TC***

Hoạt động tư vấn chăm sóc sức khỏe tinh thần tinh thần cho các em học sinh, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi học sinh. Các vấn đề tâm lý học sinh thường gặp thuộc một trong năm các lĩnh vực gồm: học tập, nhận thức, cảm xúc, hành vi và xã hội

Một số rối loạn phát triển ở trẻ em ***2 TC***

Rối loạn phát triển ở trẻ em là chuyên ngành ứng dụng, phiên giải được những sự phức tạp và những rối loạn thường gặp ở trẻ em, đặc biệt ở mỗi giai đoạn phát triển. Môn học có thể cung cấp những kiến thức mới, những thông tin quan trọng ở mỗi giai đoạn phát triển thể chất, kỹ năng của trẻ từ đó giúp cho các gia đình, các dịch vụ chăm sóc trẻ phát hiện sớm những vấn đề ở trẻ để từ đó giúp cho trẻ sớm hòa nhập tốt với cộng đồng và xã hội để nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tâm lý học Tổ chức ***2 TC***

Học phần Tâm lý học tổ chức cung cấp cho người học các kiến thức về: đặc trưng tâm lý của cá nhân trong mối quan hệ tương tác với những người khác ở nơi làm việc; đặc điểm của hoạt động tổ chức, sự nảy sinh, hình thành và các quy luật của các hiện tượng tâm lý diễn ra trong tổ chức với vai trò là một nhóm xã hội. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng vào thực hành nghề nghiệp sau này nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.

Tâm lý học tích cực ***2 TC***

Học phần Tâm lý học tích cực cung cấp cho người học các kiến thức về sự nhận thức, cảm xúc và hành vi của con người dựa trên cơ sở tập trung vào phát huy những điểm mạnh, nguồn lực nội tại của cá nhân, các điều kiện và tiến trình góp phần tạo nên sự phát triển của con người, của nhóm và tổ chức. Áp dụng Tâm lý học tích cực vào cuộc sống hàng ngày giúp mang lại cho cá nhân một cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc và thành công.

Tâm lý học giới tính ***2 TC***

Học phần Tâm lý học giới tính cung cấp các kiến thức cơ bản về: nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, sự hình thành và phát triển giới tính, một số hiện tượng của đời sống giới tính, cũng như những khác biệt giới tính và các yếu tố ảnh hưởng. Trên cơ sở đó người học cũng hiểu được những vấn đề của đời sống giới tính con người, được thực hành một số kỹ năng giáo dục giới tính và giải quyết các vấn đề liên quan trong một số tình huống thực tế nghề nghiệp.

Can thiệp khủng hoảng ***2TC***

Học phần can thiệp khủng hoảng cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến nhận diện được các giai đoạn, biểu hiện, nguyên nhân của các cơn khủng hoảng, mục tiêu, tiêu chí, một số mô hình can thiệp khủng hoảng. Đặc biệt, sinh viên được cung cấp kỹ năng can thiệp khủng hoảng khi thân chủ có thân nhân mới qua đời, can thiệp khủng hoảng với người có hành vi tự sát, đối tượng có khủng hoảng ở các giai đoạn của vòng đời, khi gặp các vấn đề của gia đình, cá nhân/ cộng đồng chịu sang chấn tâm lý sau những thảm họa tự nhiên hoặc nhân tạo, chăm sóc y tế

Tâm lý học xã hội với người bệnh mãn tính và bệnh hiểm nghèo ***2TC***

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về những đặc điểm tâm lý của người bệnh mắc bệnh mãn tính và hiểm nghèo. Một số mô hình lý thuyết, kỹ thuật giúp hỗ trợ người bệnh mắc bệnh mãn tính và hiểm nghèo. Sinh viên sẽ được thực hành các kỹ thuật cơ bản nhằm hỗ trợ tâm lý cho người bệnh

Thực tế tốt nghiệp ***5TC***

Học phần Thực tế tốt nghiệp rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức Tâm lý học đặc thù của sinh viên để nhận diện, phân tích đánh giá từ đó xây dựng và triển khai các can thiệp tâm lý phù hợp với từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể cũng như thực hiện được các kỹ năng tham vấn, trị liệu cơ bản đối với một số vấn đề tâm lý cho cá nhân và nhóm.

Chuyên đề lâm sàng/Khoá luận tốt nghiệp ***6TC***

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Tâm lý học. Học phần này gồm 3 chương là chương 1: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu; Chương 3: Giải pháp, khuyến nghị và kết luận. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Nội dung các hoạt động trong khoá đào tạo Cử nhân Tâm lý học bao gồm: học lý thuyết và thực tập tại cơ sở thực tập của Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc thực hiện học phần tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp.
- Chương trình gồm có 127 tín chỉ, mỗi học phần đã được xác định số tín chỉ (bao gồm cả lý thuyết, thực hành và lâm sàng). Chương trình mỗi học phần bao gồm: Mô tả học phần; Mục tiêu; Nội dung; Hướng dẫn thực hiện học phần; Phương pháp giảng dạy; Phương pháp lượng giá; Tài liệu tham khảo và thông tin giảng viên.
- Nội dung các học phần đề cập đến tên các bài học, số giờ từng bài đủ 100% tổng số giờ tín chỉ của học phần.
- Chương trình đào tạo đại học ngành Cử nhân Tâm lý học thể hiện mục tiêu, quy định về nội dung, yêu cầu định mức khối lượng kiến thức và kỹ năng, thời gian đào tạo ngành.
- Việc triển khai chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường xây dựng và ban hành giáo trình, tài liệu giảng dạy.

11.1. Chương trình khung đào tạo

Trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khoá học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

11.2. Phương pháp dạy học

- Thuyết trình
- Team-based learning
- Seminar
- Bảng kiểm/ check list
- Quan sát, kiến tập
- Thực hành kỹ năng tiền lâm sàng
- Thực hành đóng vai
- Thảo luận nhóm

11.3. Đánh giá người học

Kiểm tra đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần theo Quy chế và các quy định hiện hành của Trường, cụ thể đối với các môn học/học phần thuộc khối kiến thức đại

cương và các môn chung, kiến thức cơ sở, môn học/học phần tiền lâm sàng và một số môn học/học phần thực hành, sau mỗi học phần sinh viên có ít nhất một điểm thi kết thúc học phần và được thể hiện cách thức đánh giá học phần cụ thể trong chương trình chi tiết môn học/học phần/module.

Đối với các môn học/học phần có thực hành, phần lý thuyết (đánh giá như học phần chỉ có lý thuyết) và thực hành (đánh giá như học phần chỉ có thực hành) hoặc có tổng hợp từ hai đầu điểm theo tỷ lệ và được áp dụng quy định về tổ chức đào tạo hiện hành.

12. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

12.1 Trong nước

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội

https://ussh.vnu.edu.vn/uploads/ussh/dao-tao/2023_11/ctdt-tam-ly-hoc-he-chuan.pdf

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

https://hcmussh.edu.vn/static/document/Chuong%20trinh%20dao%20tao%20nganh%20Tam%20ly%20hoc.pdf

12.2 Nước ngoài

Chương trình Trường Đại học Victoria- Úc

https://www.vu.edu.au/courses/international/bachelor-of-psychology-honours-abpc

Trường Đại học Virginia Commonweath – Mỹ

https://bulletin.vcu.edu/azcourses/psyc/

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tú

PHỤ LỤC 1

ĐỐI SÁNH VỚI KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Nội dung đối sánh	ĐH KH&NV Đại học Quốc gia Hà Nội	ĐH KH&NV Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh	Đại học Y Hà Nội
Tổng số tín chỉ	**132**	**121**	**127**
Cấu trúc chương trình *(số lượng môn/tín chỉ)*			
- Học phần đại cương	21	27	24
- Học phần khoa học cơ bản	24		
- Học phần cơ sở ngành	35	50	30
- Học phần cốt lõi ngành	44	30	52
- Thực tập và trải nghiệm			
- Kiến thức bổ trợ		4	10
- Thi tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp	8	10	11
Phương pháp giảng dạy/học tập	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh
Các đối sánh khác (nếu có)	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh